

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1230/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2023.
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Ngọc.
- Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:
Không có.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 759/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về “ Tranh chấp Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 373/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn số: 314/2023/QĐST-HNGĐ ngày ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị D, sinh năm: 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số A Tổ F, Khu phố A, đường L, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thái B, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C đường L, Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn bà Bùi Thị D trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Thái B kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, TP . theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2018 ngày 08/3/2018. Sau khi kết hôn chúng

tôi chung sống hạnh phúc, cùng nhau làm việc để phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng chúng tôi liên tiếp xảy ra những bất đồng trong cuộc sống, liên tục xảy ra cãi vã. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân hiện tại không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi khởi kiện tại yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Thái B.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân tôi và ông Nguyễn Thái B không có con chung.

Về tài sản chung: Tôi và ông Nguyễn Thái B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Thái B vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Bùi Thị D và ông Nguyễn Thái B là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Thái B cư trú tại huyện C, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Thái B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị D và ông Nguyễn Thái B có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 58/2018 ngày 08/3/2018, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà D nêu quá trình sống chung lúc đầu có hạnh phúc, cùng nhau phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Bà D nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, bà D không còn tình cảm với ông B nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thái B không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia

đình với bà D nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà D với ông B là chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[4] Về con chung: Bà D xác định giữa bà D và ông B không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà D tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị D là được ly hôn với ông Nguyễn Thái B.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 58/2018 ngày 08/3/2018 của UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Bùi Thị D và ông Nguyễn Thái B không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Tài sản chung: Bà D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Bà D xác định không có nợ chung.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Bùi Thị D chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2023/0017689 ngày 19/6/2023 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà D đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Tân Thạnh Đông, h. Củ Chi,
Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Phạm Thị Hồng Ngọc